



SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS, THPT NAM MỸ



UTS
US Vietnam
Talent International
School

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025

*(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT
ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Phụ lục 1

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS, THPT NAM MỸ**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025**

I. THÔNG TIN CHUNG

Đặc điểm tình hình nhà trường:

Trường Tiểu học, THCS, THPT Nam Mỹ

Địa chỉ: 80/68 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp.

1. Pháp lý thành lập và hoạt động của trường: quyết định thành lập trường, quyết định cấp phép hoạt động giáo dục (tại địa điểm chính và các địa điểm khác nếu có):

Trụ sở chính: Địa chỉ 45 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Cô Giang, Quận 1.

- Trường Tiểu học, THCS, THPT Nam Mỹ thành lập theo Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 20 tháng 04 năm 2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định cho phép tổ chức hoạt động: Số 941/QĐ-GDĐT-TC ngày 18 tháng 05 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 1: Địa chỉ 80/68 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp

- Trường Tiểu học, THCS, THPT Nam Mỹ thành lập cơ sở 1 theo Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định cho phép tổ chức hoạt động: Số 607/QĐ-GDĐT-TC ngày 22 tháng 03 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định công nhận Hội đồng trường: Số 10/QĐ-SGDĐT ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2. Tổ chức nhà trường:

a) Đội ngũ lãnh đạo nhà trường (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: tuổi, trình độ, bằng cấp chuyên môn).

STT	Họ tên	Tuổi	Chức danh	Trình độ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1980	Hiệu trưởng	Thạc sĩ	
2	Nguyễn Đức Danh	1991	Phó Hiệu trưởng	Thạc sĩ	
3	Phạm Thị Lịch	1987	Phó Hiệu trưởng	Thạc sĩ	
4	Đỗ Thị Thu Vân	1985	PHT - PT Tiểu học	Thạc sĩ	

b) Giáo viên, nhân viên nhà trường năm học 2024-2025

Giáo viên, nhân viên	Số lượng			Trình độ		
	Tổng cộng	Cơ hữu	Thỉnh giảng	TC, CD, Khác	Đại học	Sau Đại học
Giáo viên VN	120	120	1		104	17
-Tiểu học	84	84			79	5
- THCS	22	22			17	5
- THPT	14	14	1		8	7
Giáo viên NN	38	38			25	13
Nhân viên	80	80		22	51	7

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Cơ sở vật chất, các khối công trình của nhà trường bao gồm:

STT	Công trình	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng diện tích sử dụng (m ²)	25,130 m2	
2	Phòng học	68	
3	Phòng học bộ môn	20	
4	Nhà tập đa năng	03	
5	Thư viện	02	
6	Phòng hoạt động Đoàn - Đội	01	

7	Phòng truyền thống	01	
8	Khối hành chính - quản trị	09	
9	Khu sân chơi, bãi tập	03	
10	Hồ bơi	01	
11	Khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước	28	
12	Khu để xe	01	
13	Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin	01	
14	Bếp ăn, nhà ăn (Tổ chức nấu/ suất ăn công nghiệp)	02	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Tiểu học, THCS, THPT Nam Mỹ đạt kiểm định Cấp độ 1, Quyết định công nhận số 4131-43/QĐ-SGDĐT ký ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Quyết định được đăng trên website của Trường Nam Mỹ.

Công khai trên trang web của trường, link: [Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2023 - 2024 và Định hướng phát triển năm học 2025-2026 UTS](#)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Kết quả hoạt động giáo dục học sinh NH 2024-2025 như sau:

1. Khối tiểu học

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	764	143	179	180	136	126
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	764	143	179	180	136	126
III	Số học sinh đánh giá theo năng lực loại Tốt	764	143	179	180	136	126
1	<i>Tự chủ và tự học (tỷ lệ so với tổng số)</i>	746 97,6%	141 98,6%	178 99,4%	168 93,3%	133 97,8%	126 100%
2	<i>Giao tiếp và hợp tác (tỷ lệ so với tổng số)</i>	758 99,2%	140 97,9%	177 98,9%	179 99,4%	136 100%	126 100%
3	<i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo (tỷ lệ so với tổng số)</i>	752 98,4%	142 99,3%	179 100%	171 95,0%	134 98,5%	126 100%
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	764	143	179	180	136	126

1	Hoàn thành Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	514	106	141	90	92	85
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	124	16	19	39	16	34
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	124	21	19	49	28	7
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	02			02		
V	Tổng hợp kết quả cuối năm 2024-2025	764	143	179	180	136	126
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	762 99,7%	143 100%	179 100%	178 98,9%	136 100%	126 100%
	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	638 83,5%	122 85,3%	160 89,4%	129 71,7%	108 79,4%	119 94,4%
2	Ở lại lớp (Kiểm tra lại) (tỷ lệ so với tổng số)	02 0,3%			02 1,1%		

2. Khối Trung học:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6,7,8	Lớp 9	Lớp 10,11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo rèn luyện NH 2024-2025	509	269	51	122	67
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	499 98,0%	265 98,5%	50 98,0%	117 95,9%	67 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	10 2,0%	04 1,5%	01 2,0%	5 4,1%	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	509	269	51	122	67
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	340 66,8%	182 67,7%	36 70,6%	70 57,4%	52 77,6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	138 27,1%	70 26,0%	11 21,6%	42 34,4%	15 22,4%
3	Đạt	31	17 6,3%	4 7,8%	10 8,2%	0

	(tỷ lệ so với tổng số)	6,1%				
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả NH 2024-2025	Tổng số	Lớp 6,7,8	Lớp 9	Lớp 10,11	Lớp 12
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	509 100%	269	51	122	67
a	Học sinh Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	340 66,8%	182 67,7%	36 70,6%	70 57,4%	52 77,6%
b	Học sinh Khá (tỷ lệ so với tổng số)	138 27,1%	70 26,0%	11 21,6%	42 34,4%	15 22,4%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi			THCS		THPT
1	Cấp huyện			12		
2	Cấp tỉnh/thành phố					01
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp			THCS		THPT
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp			THCS		THPT
1	Số lượng (tỷ lệ so với tổng số)			51 100%		
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nữ/số học sinh nam			169/151		103/86

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Mức thu học phí từ người học như sau:

- Biểu phí chương trình song ngữ theo chuẩn Common Core

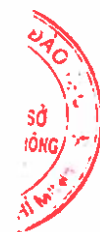
Khối	Học phí NH	Phương án đóng học phí		
		Đóng 1 lần	Đóng 2 lần	Đóng 4 lần
Khối 1	174,400,000	165,700,000	85,500,000	43,600,000
Khối 2	184,000,000	174,800,000	90,200,000	46,000,000
Khối 3	184,000,000	174,800,000	90,200,000	46,000,000
Khối 4	184,000,000	174,800,000	90,200,000	46,000,000
Khối 5	198,800,000	188,900,000	97,400,000	49,700,000
Khối 6	241,400,000	229,300,000	118,300,000	60,350,000
Khối 7	241,400,000	229,300,000	118,300,000	60,350,000
Khối 8	241,400,000	229,300,000	118,300,000	60,350,000
Khối 9	259,400,000	246,400,000	127,100,000	64,850,000
Khối 10	297,200,000	282,300,000	145,600,000	74,300,000
Khối 11	297,200,000	282,300,000	145,600,000	74,300,000
Khối 12	320,800,000	304,800,000	157,200,000	80,200,000
Thời hạn đóng phí đầu tiên		31/7/2025	31/7/2025	31/7/2025

- Biểu phí chương trình Quốc tế Oxford

Khối	Học phí NH	Phương án đóng học phí		
		Đóng 1 lần	Đóng 2 lần	Đóng 4 lần
Khối 1	212,800,000	202,200,000	104,300,000	53,200,000
Khối 2	230,800,000	219,300,000	113,100,000	57,700,000
Khối 3	244,400,000	232,200,000	119,800,000	61,100,000
Khối 4	257,800,000	244,900,000	126,300,000	64,450,000
Khối 5	271,600,000	258,000,000	133,100,000	67,900,000
Khối 6	290,200,000	275,700,000	142,200,000	72,550,000
Khối 7	306,400,000	291,100,000	150,100,000	76,600,000
Khối 8	325,600,000	309,300,000	159,500,000	81,400,000
Thời hạn đóng phí đầu tiên		31/7/2025	31/7/2025	31/7/2025

2. Chính sách và thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học (Chính sách ưu đãi)

- Ưu đãi anh/chị/em ruột



Gia đình có từ 02 (hai) anh/chị/em ruột trở lên học chung trường thì ưu đãi được áp dụng cho con nhỏ tuổi hơn theo chính sách như sau:

Ưu đãi 5% học phí	Ưu đãi 10% học phí	Ưu đãi 15% học phí
Anh/chị/em ruột thứ 2 (hai)	Anh/chị/em ruột thứ 3 (ba) trở lên	Anh/chị/em ruột thứ 4 (tư) trở lên

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

1. Thực hiện các dự án:

STT	Tên Dự án	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	Khối Tiểu học		
1	Dự án học tập Wellbeing	10/2024 - 03/2025	
2	Dự án cộng đồng	9/2024 - 4/2025	
3	Dự án Tinh hoa đất Việt	2/2025 - 4/2025	
	Khối THCS		
1	Dự án Sân khấu hóa Tác phẩm Văn học, lịch sử	T10/2024 - 01/2025	
2	Cuộc thi Nobel Challenge	T1/2024 - 04/2025	
3	Cuộc thi Trạng Toán	T12/2024 - 02/2025	
4	Cuộc thi Nobel Challenge	T12/2024 - 02/2025	
5	Dự án UTS Melody	T9/2024 - 10/2024	
	Khối THPT		
1	Dự án tổ: Sân khấu hóa tác phẩm văn học và lịch sử	10/2025-11/2025	
2	Dự án cộng đồng: Tự hào một dải non sông	10/2024-01/2025	
3	Dự án liên môn: Mô hình hệ thống đê biển và rừng ngập mặn	10/2024-12/2024	
4	Dự án tái chế giấy	03/2025-04/2025	
5	Dự án tổ: Trạng Toán	12/2024-02/2025	
6	Dự án tổ: Nobel Challenge	02/2024-04/2025	
7	Dự án xây dựng mô hình tổ chức lãnh thổ các đảo xa bờ bằng phát triển sinh kế và đảm bảo cơ sở năng lượng để thu hút dân cư.	04/2025-05/2025	
8	Dự án mô hình giao thông	05/2025	



2. Chương trình học tập trải nghiệm:

Triển khai 25 chương trình trải nghiệm trong năm học 2024-2025

STT	Đối tượng	SL HĐ	Tên HĐ Trải nghiệm
1	Khối Tiểu học	10	Khối 1: - Ngày 3/12/2024: Tinker play - Ngày 4/3 và 6/3/2025: Tham quan Thư viện Khoa học tổng hợp. Khối 2: - Ngày 18/12/2024: Tham quan đường sách Nguyễn Văn Bình. - Ngày 9/4 và 10/4/2025: Saurus coffee và Gallery. Khối 3: - Ngày 12/12 và 13/12/2024: Tham quan Nhà hát múa rối nước Rồng Vàng. - Ngày 12/3/2025: Pro farm. Khối 4: - Ngày 9/12 và 10/12/2024: Tham quan Bảo tàng áo dài. - Ngày 11/3/2025: Vườn Minh Trân: Hành trình sáng tạo về diễn và mỹ thuật. Khối 5: - Ngày 11/12/2024: Tham quan Đại học Quốc gia TP HCM. - Ngày 4/3/2025: Vườn Minh Trân: Hành trình sáng tạo về tranh Đông Hồ, tranh Mosaic.
2	Khối THCS	8	Khối 6: - Bảo tồn giá trị văn hóa địa phương cùng giải pháp phát huy kinh tế du lịch - Hành trình phát triển AIoT & Robotics Khối 7: - Học Từ Thiên Nhiên - Kết nối tinh thần đồng đội - Mindfulness practice with pottery Khối 8:

			- Trekking, camping & survival skills tại Núi Dinh - chiến dịch "Núi Dinh không rác" - Ecosystem in a Jar: Understanding Nature Through Terrarium Building Khối 9: - Experiential Career Pathways: TIM Corp and Inside the Chocolate Maker Biking và camping tại Rừng Mã Đà, Trại An - chiến dịch quảng bá du lịch Việt Nam
3	Khối THPT	7	- Trải nghiệm học viện Hàng không; RMIT Campus tour-Định hướng ngành học; - VLU Campus Tour 2025-Định hướng ngành học; - Ngày hội du học UTS-Định hướng du học; -Thăm quan học tập tại doanh nghiệp "Tôn Hoa sen"; - Let's go UTS; "Chuyến đi thanh xuân K12" tại Đà Lạt; - Chuyến đi thanh xuân K11: Community Impact Journey: Bringing Joy via STEM Workshops to Less Privileged Children; - Chuyến đi thanh xuân K10: Học Từ Thiên Nhiên - Kết nối tinh thần đồng đội

3. Hoạt động Câu lạc bộ:

STT	Đối tượng	SL CLB	Tên Câu lạc bộ
1	Khối Tiểu học	65	-Nhóm CLB kỹ năng: 14 Kỹ năng quản lí cảm xúc xã hội IPTiếng Tây Ban Nha cơ bản IP Hùng biện IP Móc len và Đan len IP Đọc sách IP Khám phá Tự nhiên IP Khám phá Văn hóa IP Lồng tiếng IPTiếng Nga

			IP Trồng cây và Khéo tay Người dẫn chương trình 1 Người dẫn chương trình 2 Độc sách Kĩ năng sống -Nhóm CLB TDTT:15 Bơi Võ Taekwondo 1 Bóng đá 1 Cờ vua 1 IP Bóng né Bóng đá 2 Bóng rổ 1 Bóng rổ 2 Võ Taekwondo 2 Cờ vua 2 Thể dục nhịp điệu Cầu lông Trò chơi dân gian 1 Võ Muay Thái Trò chơi dân gian 2 -Nhóm CLB Nghệ thuật: 18 Mĩ thuật 1 Mĩ thuật 2 Nhảy hiện đại 1 Hợp xướng thanh nhạc Hợp xướng nhạc cụ Vẽ chibi Gấp giấy Origami 1 Sáng tạo cùng đất nặn 1 IP Diễn kịch IP Vẽ Màu Gouache Piano Ca sĩ nhí Nghệ thuật thủ công (Tranh 3D, tranh cát, tranh hạt đậu)1
--	--	--	---

			Nghệ thuật thủ công (Tranh 3D, tranh cát, tranh hạt đậu)2 Sketchnote Gấp giấy Origami 2 Móc Len Vận động theo nhạc -Nhóm CLB Tư duy:16 Tin học trẻ 1 STEM 1 STEM 2 Khoa học vui Sơ đồ tư duy Bồi dưỡng Toán học lớp 1 Bồi dưỡng Toán học lớp 2 Bồi dưỡng Toán học lớp 3 Bồi dưỡng Toán học lớp 4 Bồi dưỡng Toán học lớp 5 IP Phi tiêu và Ghép chữ Scrabble IP Trò chơi trí tuệ 2 IP Trò chơi Giáo dục trên Máy tính Tin học trẻ 2 Sân chơi Toán học 1 Sân chơi Toán học 2 - CLB chuyên sâu: 02 Tiếng Hàn Quốc Nhảy Hiện đại
2	Khối THCS	25	Về kỹ năng và cộng đồng: - CLB Khởi nghiệp rau sạch - CLB Dẫn chương trình - CLB Thiện nguyện - CLB Tự học - CLB Tranh biện - CLB Truyền thông Về tư duy: - CLB Thí nghiệm vui - CLB Tin học trẻ - CLB Khoa học và thiên văn - CLB STEM

			- CLB Trò chơi trí tuệ - CLB Thí nghiệm khoa học - CLB Sáng tạo nội dung Về thể chất - CLB Cờ vua - CLB Bóng bàn - CLB Bóng rổ - CLB Bơi - CLB Cầu lông Về nghệ thuật: - CLB Nhảy hiện đại - CLB Mỹ thuật - CLB Handmade - CLB Nhạc cụ - CLB Nghệ thuật biểu diễn - CLB Nghiên cứu phim CLB In 3D
--	--	--	---



4. Tham vấn tâm lý:

STT	Đối tượng	NH 2023-2024		NH 2024-2025	
		Số Case	Số phiên	Số Case	Số phiên
1	Khối Tiểu học	21	52	16	25
2	Khối THCS	49	105	36	52
3	Khối THPT	30	92	87	128
4	GV, NV, PHHS	52	65	88	91
TC		152	314	227	296

Ghi chú:

- Mỗi cá nhân đến tham vấn được xem là 1 case.
- Mỗi lần tham vấn được xem là 1 phiên.
- Một cá nhân có thể đến tham vấn nhiều lần.

5. Chuyên đề và Workshops:

STT	Tên chuyên đề	Ghi chú
1	Khối Tiểu học	
	Chuyên đề: Bảo vệ trẻ em tại UTS	
	Chuyên đề: Sử dụng internet an toàn	
	Chuyên đề: Kỹ năng phòng chống bạo lực học đường	
	Chuyên đề: Chăm sóc sức khỏe mùa thi	
	Chuyên đề: Kỹ năng phòng tránh xâm hại	
	Chuyên đề: Tuổi dậy thì, không gì phải sợ	

	Chuyên đề: Trí tuệ cảm xúc	
2	Khối THCS	
	Chuyên đề: Kỹ năng sơ cấp cứu	Khối 8,9
	Chuyên đề: Gỡ cửa phòng tâm lý	Toàn khối
	Chuyên đề: Sơ cứu mâu thuẫn bạn bè	Toàn khối
	Chuyên đề: Khám phá xu hướng nghề nghiệp	Toàn khối
	Chuyên đề: Tôn trọng sự khác biệt	
	Chuyên đề: Vượt qua bạo lực tinh thần	Khối 9
	Chuyên đề: An toàn giao thông	Toàn khối
3	Khối THPT	
	Chuyên đề: Bảo vệ trẻ em tại UTS	
	Chuyên đề: Định hướng về Tâm lý học đường	
	Chuyên đề: Khởi động đề du học	
	Chuyên đề: Sự thật về chất gây nghiện	
	Chuyên đề: Văn minh trong tình cảm	
	Chuyên đề: Giải quyết mâu thuẫn	
	Chuyên đề: Giữ bình tĩnh, bất bần lĩnh	
	Chuỗi chuyên đề: Chăm sóc sức khỏe tinh thần & Hành trình trưởng thành	Khối 12
	Chuỗi chuyên đề: Định hướng nghề nghiệp & Phát triển hồ sơ cá nhân	Khối 12

6. Học sinh đạt giải cấp Quận, cấp Thành phố nội dung học thuật, TDTT, khác: 130 em (Tiểu học: 274, THCS: 13, THPT: 13), danh sách chi tiết từng nội dung:
Khối Tiểu học:

STT	Họ và tên	Lớp	Nội dung đạt	Cấp Quận / Thành phố
1	Vũ Ngọc Gia Hân	5.3	Huy chương đồng-Hội khỏe Phù Đổng Quận Gò Vấp	Cấp Quận
2	Lê Hoàng Minh Châu	5.1	Huy chương đồng-Hội khỏe Phù Đổng Quận Gò Vấp	Cấp Quận
3	Đỗ Phụng Nhã Châu	5.1	Huy chương đồng-Hội khỏe Phù Đổng Quận Gò Vấp	Cấp Quận
4	Nguyễn Trúc Linh Đan	5.2	Huy chương đồng-Hội khỏe Phù Đổng Quận Gò Vấp	Cấp Quận

5	Nguyễn Minh Cường	3.7	Giải nhất-Giải khiêu vũ thể thao mở rộng Sơn Anh lần 3	Cấp Thành Phố
6	Đỗ Trần Linh San	3.7	Giải nhất-Giải khiêu vũ thể thao mở rộng Sơn Anh lần 3	Cấp Thành Phố
7	Đỗ Trần Linh San	3.7	Giải nhất-Giải khiêu vũ thể thao Quốc tế	Cấp Quốc tế
8	Nguyễn Minh Cường	3.7	Giải nhất-Giải khiêu vũ thể thao Quốc tế	Cấp Quốc tế
9	Huỳnh Tấn Khải Minh	3.8	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
10	Nguyễn Quốc An	4.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
11	Nguyễn Tú Anh	4.5	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
12	Diệp Vũ Khôi	1.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
13	Nguyễn Tất Phú	1.5	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
14	Lê Trí Quốc	3.1	Huy chương vàng-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
15	Lee Đình Phương	2.6	Huy chương vàng-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
16	Công Bảo Minh	4.3	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
17	Nguyễn Đăng Đình Phong	1.2	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
18	Trần Thuận An	1.5	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
19	Mai Thị Thanh Mai	2.6	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
20	Lê Nhật Linh Đan	1.6	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
21	Đặng Mi An	1.4	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
22	Phùng Trần Gia Trí	1.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
23	Nguyễn Đăng Đình Phong	1.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia

24	Võ Bảo Lâm	1.9	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
25	Nguyễn Lê An Như	1.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
26	Đinh Trần Hà An	1.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
27	Trần Thuận An	1.5	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
28	Châu Gia Bảo	2.3	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
29	Châu Đỗ Thanh Tâm	2.1	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
30	Nguyễn Quốc Minh	2.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
31	Trịnh Nhật Nam	2.6	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
32	Nguyễn Natalie Hồng Ngọc	2.5	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
33	Trần Đỗ Khả Di	2.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
34	Trần Phạm Trâm Anh	2.6	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
35	Trần Hà Giang	2.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
36	Hoa Hoàng Khang	2.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
37	Nguyễn Lê An Nhiên	2.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
38	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	2.11	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
39	Lê Quốc Tiến	2.5	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
40	Phan Nguyễn Như Tuệ	2.6	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
41	Nguyễn Hoàng Khang	2.6	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia

42	Nguyễn Lê Minh Khang	2.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
43	Mai Thị Thanh Mai	2.6	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
44	Lê Nguyễn Hà My	2.4	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
45	Phạm Tiến Huy	2.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
46	Trịnh Anh Huy	2.4	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
47	Phạm Thái Minh Hưng	2.7	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
48	Nguyễn Lam Phương	2.5	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
49	Đỗ Phương Linh	2.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
50	Phạm Nguyễn Bảo Long	2.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
51	Nguyễn Minh An	2.8	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
52	Nguyễn Tâm	2.9	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
53	Nguyễn Phú Thiên	2.2	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
54	Ngô Đỗ Bảo Uyên	2.2	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
55	Lê Trí Quốc	3.1	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
56	Nguyễn Trần Trung Tín	3.7	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
57	Bùi Phương My	3.8	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
58	Nguyễn Thanh Nghị	3.7	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
59	Nguyễn Quỳnh Anh	3.4	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia

60	Phạm Nguyễn Bảo Khánh	3.7	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
61	Dương Trọng Minh Đăng	3.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
62	Lê Vũ Hoàng Đăng	3.9	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
63	Nguyễn Thanh Hoàng Nga	3.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
64	Võ Hồ Bảo Phương	3.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
65	Công Bảo Minh	4.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
66	Hoàng Lan Chi	4.5	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
67	Cao Tuấn Minh Huy	4.4	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
68	Bùi Nguyễn Đức Bảo	5.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
69	Lê Anh Tuấn	5.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc gia
70	Mai Thị Thanh Mai	2.6	Huy chương vàng-Cuộc thi Toán Quốc tế GJMAT	Cấp Quốc tế
71	Kha Tuệ Lâm	5.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Thiết kế Poster Giáo dục Unicef	Cấp Quốc tế
72	Trần Vũ Thiên Hà	5.1	Huy chương đồng-Hội khỏe Phù Đổng Quận Gò Vấp	Cấp Quận
73	Trần Phạm Gia Phúc	5.2	Huy chương bạc-Cuộc thi Tài năng Piano	Cấp Quốc gia
74	Lê Trí Quốc	3.1	Huy chương vàng-Cuộc thi Olympics Tiếng Anh	Cấp Quốc tế
75	Huỳnh Tấn Khải Minh	3.8	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế KIMC	Cấp Quốc tế
76	Trịnh Nguyên Khang	1.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế KIMC	Cấp Quốc tế
77	Lê Trí Quốc	3.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế KIMC	Cấp Quốc tế

78	Trần Phạm Gia Phúc	5.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế KIMC	Cấp Quốc tế
79	Lê Khánh Nam	3.5	Huy chương đồng-Cuộc thi Khoa học và Thiên văn Quốc tế CISO	Cấp Quốc gia
80	Qua Tam Thông	4.7	Huy chương đồng-Cuộc thi Khoa học và Thiên văn Quốc tế CISO	Cấp Quốc gia
81	Lê Hà Khánh Như	4.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Khoa học và Thiên văn Quốc tế CISO	Cấp Quốc gia
82	Lê Hà Khánh Nhi	4.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Khoa học và Thiên văn Quốc tế CISO	Cấp Quốc gia
83	Đỗ Phụng Nhã Châu	5.1	Huy chương đồng-Olympics Anh ngữ Quốc tế Teeneagle	Cấp Quốc gia
84	Nguyễn Nhã Anh Thy	1.4	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
85	Đặng Mĩ An	1.4	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
86	Lê Nhật Linh Đan	2.9	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
87	Phạm Nguyễn Bảo Long	2.1	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
88	Nguyễn Nhật Nam	2.2	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
89	Leyva Nguyễn Max	2.2	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
90	Lê Đăng Khoa	2.3	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
91	Nguyễn Quốc Minh	2.3	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
92	Mai Thị Thanh Mai	2.6	Huy chương vàng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
93	Lee Đình Phương	2.6	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
94	Huỳnh Bảo Phúc	2.1	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
95	Ao Thiện Hữu	2.11	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia



96	Huỳnh Thái Ngọc Diệp	2.11	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
97	Lê Trí Quốc	3.1	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
98	Đỗ Trọng Nhân	3.2	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
99	Nguyễn Thanh Hoàng Nga	3.3	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
100	Nguyễn Gia Khả Hân	3.3	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
101	Ngô Minh Thy	3.4	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
102	Nguyễn Huy Hoàng	3.4	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
103	Lê Khánh Nam	3.5	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
104	Phạm Nguyễn Bảo Khánh	3.7	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
105	Dương Lê Khải Chính	3.8	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
106	Huỳnh Tấn Khải Minh	3.8	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
107	Bùi Phương My	3.8	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
108	Lê Tuấn Dũng	4.1	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
109	Nguyễn Lê Thiên Kim	4.1	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
110	Nguyễn Thảo Nhi	4.2	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
111	Bùi Hạnh Duyên	4.2	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
112	Huỳnh Phương An	4.3	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
113	Phạm Tuấn Minh	4.4	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia



114	Ngô Kim Phúc	4.4	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
115	Nguyễn Tường Vinh	4.5	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
116	Nguyễn Xuân Khôi	4.7	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
117	Werthan Iii Vân Anh	5.1	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
118	Vũ Ngọc Gia Hân	5.3	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
119	Hoàng Nguyễn Thiên Minh	1.1	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
120	Đình Trần Hà An	1.1	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
121	Nguyễn Trần Xuân Trị	2.1	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
122	Lê Hà Khải Vy	2.1	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
123	Lư Tuệ Mẫn	2.2	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
124	Huỳnh Trường Hiếu	2.2	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
125	Châu Gia Bảo	2.3	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
126	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	2.5	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
127	Lê Thái Hiếu	2.5	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
128	Trần Phạm Trâm Anh	2.6	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
129	Nguyễn Lam Anh	2.6	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
130	Nguyễn Hoàng Khang	2.6	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
131	Lee Đình Phương	2.6	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố

132	Ao Thiện Hữu	2.11	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
133	Huỳnh Thục Anh	1.5	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
134	Châu Đỗ Thanh Tâm	2.1	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
135	Nguyễn Nhật Nam	2.2	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
136	Trần Jen	2.3	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
137	Phạm Công Thành	3.1	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
138	Trần Gia Bảo Châu	3.2	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
139	Đỗ Hoà Thảo Ngân	3.3	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
140	Đinh Thiên Châu	3.4	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
141	Bành Quốc An	3.6	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
142	Đỗ Nguyễn Bảo Trân	3.8	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
143	Nguyễn Thảo Nhi	4.2	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
144	Vũ Tuấn Hưng	4.3	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
145	Võ Tấn Tùng Quân	4.4	Giải danh dự-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
146	Ngô Kim Phúc	4.4	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
147	Trần Lê An Nhiên	4.4	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
148	Trần Phạm Gia Phúc	5.2	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
149	Phan Nguyễn Khánh Giang	5.2	Huy chương bạc-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố

150	Nguyễn Lê Thiên Thanh	5.5	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
151	Lại Hồng Ngọc	5.5	Huy chương đồng-Olympic Tiếng Anh quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
152	Đỗ Phụng Nhã Châu	5.1	Huy chương bạc-The World Scholar's Cup	Cấp Quốc gia
153	Nguyễn Minh Khang	5.1	Huy chương vàng-The World Scholar's Cup	Cấp Quốc gia
154	Nguyễn Phúc Bảo Long	5.1	Huy chương bạc-The World Scholar's Cup	Cấp Quốc gia
155	Đỗ Minh Khuê	5.2	Huy chương bạc-The World Scholar's Cup	Cấp Quốc gia
156	Kha Tuệ Lâm	5.2	Huy chương bạc-The World Scholar's Cup	Cấp Quốc gia
157	Phan Nguyễn Khánh Giang	5.2	Huy chương bạc-The World Scholar's Cup	Cấp Quốc gia
158	Phan Nhân	5.2	Huy chương bạc-The World Scholar's Cup	Cấp Quốc gia
159	Nguyễn Đăng Quang Thiên	3.2	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
160	Bùi Hạnh Duyên	4.2	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
161	Nguyễn Duy Hoàng Khôi	4.7	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
162	Nguyễn Quý Hồng Ân	4.1	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
163	Nguyễn Thảo Nhi	4.2	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
164	Trần Ngọc Thảo Tiên	4.7	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
165	Võ Hoàng Nguyên Anh	4.7	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
166	Lại Hồng Ngọc	5.5	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
167	Phan Nguyễn Khánh Giang	5.2	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
168	Phan Thảo Đồng Lam	5.5	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
169	Trần Khánh Ngọc	5.5	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
170	Nguyễn Tường An Như	1.2	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
171	Trần Christian	1.8	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
172	Trần Phúc Hưng	1.1	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế

173	Trịnh Nguyên Khang	1.1	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
174	Vũ Thiên Lộc	1.1	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
175	Châu Đỗ Thanh Tâm	2.1	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
176	Huỳnh Bảo Phúc	2.1	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
177	Lê Nguyễn Hà My	2.4	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
178	Lim Isabelle	2.11	Giải danh dự-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
179	Hồ Đắc Minh Khang	1.6	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
180	Ngô Lý Song Khuê	1.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
181	Nguyễn Nhã Anh Thy	1.4	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
182	Lê Thái Tuấn	2.1	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
183	Mai Nguyễn Kỳ Minh	2.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
184	Huỳnh Trường Hiếu	2.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
185	Lim Isabelle	2.11	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
186	Nguyễn Nhật Nam	2.2	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
187	Nguyễn Hà An Nhiên	2.8	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
188	Bùi Lê Phúc Long	2.3	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
189	Kha Khải Anh	3.5	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
190	Huỳnh Nguyễn Gia Bảo	4.2	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
191	Nguyễn Vũ Khải Anh	4.4	Huy chương vàng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
192	Nguyễn Xuân Khôi	4.7	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
193	Trần Phạm Gia Phúc	5.2	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế

194	Kha Tuệ Lâm	5.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
195	Huỳnh Nhật Vy	5.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
196	Phạm Nguyễn Nhật Quỳnh	5.2	Giải danh dự-Cuộc thi Thiết kế Poster Giáo dục UniCEP	Cấp Quốc tế
197	Đỗ Minh Khuê	5.2	Giải danh dự-Cuộc thi Thiết kế Poster Giáo dục UniCEP	Cấp Quốc tế
198	Phan Nguyễn Khánh Giang	5.2	Giải danh dự-Cuộc thi Thiết kế Poster Giáo dục UniCEP	Cấp Quốc tế
199	Lê Khả Hân	3.5	Giải danh dự-Cuộc thi Thiết kế Poster Giáo dục UniCEP	Cấp Quốc tế
200	Nguyễn Mạnh Kiên	2.2	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
201	Lê Trí Quốc	3.1	Giải danh dự-VIOEDU	Cấp Thành Phố
202	Nguyễn Trần Trung Tín	3.7	Giải danh dự-VIOEDU	Cấp Thành Phố
203	Trịnh Nguyên Khang	1.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
204	Huỳnh Ngọc Cát Tường	1.2	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
205	Hà Lê Phúc An	2.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
206	Hồ Ngọc Trâm Anh	1.7	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
207	Nguyễn Nhã Anh Thy	1.4	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
208	Phạm Tiến Huy	2.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
209	Nguyễn Tâm	2.9	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
210	Nguyễn Natalie Hồng Ngọc	2.5	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
211	Nguyễn Mạnh Kiên	2.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia

212	Trần Đỗ Khả Di	2.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
213	Lê Nguyễn Hoàng Bách	2.8	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
214	Nguyễn Lữ Yên Lam	2.3	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
215	Nguyễn Nhật Nam	2.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
216	Lê Nguyên Long	3.7	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
217	Bùi Đăng Khôi Andrew	3.2	Giải khuyến khích-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
218	Lê Nhật Linh Đan	2.9	Huy chương bạc-Cuộc thi Toán Quốc tế HKIMO	Cấp Quốc gia
219	Huỳnh Thục Anh	1.5	Giải danh dự-Cuộc thi Mỹ thuật Tuổi trẻ	Cấp Thành Phố
220	Nguyễn Mạnh Kiên	2.2	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế IMC	Cấp Quốc tế
221	Nguyễn Mạnh Kiên	2.2	Huy chương vàng-Olympic Toán học Quốc tế FMO	Cấp Quốc gia
222	Nguyễn Thiên Long	5.6	Giải danh dự-Olympics Anh ngữ Quốc tế Teeneagle	Cấp Quốc gia
223	Bùi Đình Hải Nam	5.2	Giải danh dự-Olympics Anh ngữ Quốc tế Teeneagle	Cấp Quốc gia
224	Trần Đức Nguyên Khang	4.1	Giải danh dự-Olympics Anh ngữ Quốc tế Teeneagle	Cấp Quốc gia
225	Nguyễn Lê Châu Anh	4.7	Giải danh dự-Olympics Anh ngữ Quốc tế Teeneagle	Cấp Quốc gia
226	Nguyễn Lê An Nhiên	2.1	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc tế
227	Hoàng Trọng Quý	2.7	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc tế
228	Phạm Thái Minh Hưng	2.7	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc tế
229	Kha Khải Anh	3.5	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc tế

230	Huỳnh Nguyễn Gia Bảo	4.2	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc tế
231	Đào Quang Thắng	4.3	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc tế
232	Phan Nguyễn Khánh Giang	5.2	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc tế
233	Kha Tuệ Lâm	5.2	Huy chương bạc-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc tế
234	Phan Nhân	5.2	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc tế
235	Nguyễn Phúc Lâm	2.8	Giải danh dự-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
236	Tạ Anh Kiệt	2.9	Giải danh dự-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
237	Võ Tấn Tùng Quân	4.4	Giải danh dự-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
238	Đỗ Phụng Nhã Châu	5.1	Giải danh dự-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
239	Phạm Nguyễn Nhật Quỳnh	5.2	Giải danh dự-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
240	Tạ Anh Tú	5.2	Giải danh dự-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc gia
241	Vũ Thiên Lộc	1.1	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
242	Nguyễn Tường An Như	1.2	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
243	Vũ Chi Mai	1.2	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
244	Vũ Ngọc Hy	1.3	Giải danh dự-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
245	Trần Trí Dũng	1.6	Giải danh dự-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
246	Nguyễn Khải Hưng	1.6	Giải danh dự-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố

247	Đỗ Ngọc Ngân Thu	1.6	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
248	Lê Phương Bảo Hân	1.6	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
249	Nguyễn Ngọc Nhã Thu	1.7	Giải danh dự-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
250	Lâm Quang Bách	1.8	Giải danh dự-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
251	Phạm Trần May An	1.9	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
252	Nguyễn Hoàng Khánh My	2.2	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
253	Lê Hoàng Thiên Lam	2.3	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
254	Mai Thị Thanh Mai	2.6	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
255	Bùi Lê Phúc Long	2.3	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
256	Lê Trí Quốc	3.1	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
257	Võ Hoàng Mỹ An	3.5	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
258	Lê Khánh Nam	3.5	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
259	Phạm Tuấn Minh	4.4	Huy chương vàng-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
260	Nguyễn Trần Phương Linh	4.6	Giải danh dự-Olympic Tiếng Anh Quốc tế HIPPO	Cấp Thành Phố
261	Huỳnh Tấn Khải Minh	3.8	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
262	Bùi Nguyễn Đức Bảo	5.1	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế
263	Bùi Phương My	3.8	Huy chương đồng-Cuộc thi Toán Quốc tế TIMO	Cấp Quốc tế

264	Phan Thảo Đồng Lam	5.5	Huy chương đồng-Olympics tiếng Anh Đông Nam Á	Cấp Quốc tế
265	Lê Nhật Linh Đan	2.9	Huy chương bạc-Olympic Toán học Quốc tế SASMO	Cấp Quốc tế
266	Nguyễn Quốc Minh	2.3	Huy chương bạc-Olympic Toán học Quốc tế SASMO	Cấp Quốc tế
267	Nguyễn Lê Minh Khang	2.1	Huy chương đồng-Olympic Toán học Quốc tế SASMO	Cấp Quốc tế
268	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	2.5	Huy chương đồng-Olympic Toán học Quốc tế SASMO	Cấp Quốc tế
269	Nguyễn Nhật Nam	2.2	Huy chương đồng-Olympic Toán học Quốc tế SASMO	Cấp Quốc tế
270	Trịnh Anh Huy	2.4	Huy chương đồng-Olympic Toán học Quốc tế SASMO	Cấp Quốc tế
271	Huỳnh Tấn Khải Minh	3.8	Huy chương bạc-Olympic Toán học Quốc tế SASMO	Cấp Quốc tế
272	Bùi Phương My	3.8	Huy chương đồng-Olympic Toán học Quốc tế SASMO	Cấp Quốc tế
273	Hoàng Khánh Ngọc	4.4	Giải danh dự-Olympic Toán học Quốc tế SASMO	Cấp Quốc tế
274	Trần Phạm Gia Phúc	5.2	Huy chương bạc-Olympic Toán học Quốc tế SASMO	Cấp Quốc tế

Khối THCS:

STT	Họ và tên	Lớp	Nội dung đạt	Cấp Quận / Thành phố
1	Nguyễn Lê Phương Anh	9.1	Đạt danh hiệu Học sinh Giỏi Lớp 9 Môn Tiếng Anh Cấp Quận - Năm học 2024- 2025	Cấp Quận
2	Lê Hoàng Khang	9.1	Đạt danh hiệu Học sinh Giỏi Lớp 9 Môn Tiếng Anh Cấp Quận - Năm học 2024- 2025	Cấp Quận
3	Vũ Nguyễn Hiền Anh	6.3	Đạt thành tích cao trong Giải Thể Thao Học Sinh Cấp Quận Môn Bơi Lội - Năm học 2024-2025	Cấp Quận
4	Huỳnh Nhật Vy	6.2	Đạt thành tích cao trong Giải Thể Thao Học Sinh Cấp Quận Môn Bơi Lội - Năm học 2024-2025	Cấp Quận

5	Lê Quỳnh Anh	6.2	Đạt thành tích cao trong Giải Thể Thao Học Sinh Cấp Quận Môn Bơi Lội - Năm học 2024-2025	Cấp Quận
6	Nguyễn Phước Nguyên	6.4	Đạt thành tích cao trong Giải Thể Thao Học Sinh Cấp Quận Môn Bơi Lội - Năm học 2024-2025	Cấp Quận
7	Nguyễn Hoàng Khánh Hà	7.5	Đạt thành tích cao trong Giải Thể Thao Học Sinh Cấp Quận Môn Bơi Lội - Năm học 2024-2025	Cấp Quận
8	Đỗ Nguyễn Minh Anh	8.1	Đạt thành tích cao trong Giải cúp học đường khiêu vũ thể thao - Năm học 2024-2025	Cấp Thành Phố
9	Nguyễn Trí Nhân	8.3	Đạt thành tích cao trong Cuộc thi Thanh Thiếu Niên Bóng Rổ U15 TPHCM - Năm học 2024-2025	Cấp Thành Phố
10	Nguyễn Trí Nhật	8.3	Đạt thành tích cao trong Cuộc thi Thanh Thiếu Niên Bóng Rổ U15 TPHCM - Năm học 2024-2025	Cấp Thành Phố
11	Nguyễn Lê Phú Trọng	8.3	Đạt thành tích cao trong Cuộc thi Thanh Thiếu Niên Bóng Rổ U15 TPHCM - Năm học 2024-2025	Cấp Thành Phố
12	Võ Lam Khanh	8.4	Đạt thành tích cao trong Giải cúp học đường khiêu vũ thể thao - Năm học 2024-2025	Cấp Thành Phố
13	Tạ Anh Tú	6.3	Đạt thành tích cao trong Cuộc thi Copernius Olympiad - Năm học 2024-2025	Cấp Quốc Tế

Khởi THPT:

STT	Họ và tên	Lớp	Nội dung đạt	Cấp Quận / Thành phố
1	Đặng Kim Bích Tuyền	12.3	Giải Ba HSG lớp 12 - môn KTPL	Thành Phố
2	Lê Nam	12.1	Giải Nhì cuộc thi KHKT	Thành Phố
3	Nguyễn Hoàng Quân	12.2	Giải Nhì cuộc thi KHKT	Thành Phố
4	Đặng Kim Bích Tuyền	12.3	Giải Ba cuộc thi KHKT	Thành Phố
5	Thạch Ngọc Huy	12.3	Giải Ba cuộc thi KHKT	Thành Phố
6	Ngô Hoàng Uyên Phương	11.2	Giải Nhì cuộc thi KHKT	Thành Phố
7	Nghiêm Lê Bảo Châu	11.2	Giải Nhì cuộc thi KHKT	Thành Phố
8	Nguyễn Hoàng Phong	10.2	Huy Chương Đồng môn Bóng rổ	Thành phố
9	Chwe Văn Thắng	10.4	Huy Chương Đồng môn Bóng rổ	Thành phố

10	Trần Hồng Nhật Minh	11.2	Giải ba Olympic môn Ngữ văn	Thành phố
11	Đỗ Thanh Sơn	11.1	Giải ba Olympic môn Tiếng Anh	Thành phố
12	Trần Minh Triết	10.4	Giải ba Olympic môn Toán	Thành phố
13	Vương Quang Tân	11.2	Giải ba Olympic môn Vật lý	Thành phố

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Ngọc Lan



Table 1. Mean (SD) age, height, weight, and body mass index (BMI) of the participants in each of the three groups

Variable	Control group	Low-intensity group	High-intensity group
Age (years)	15.1 (0.4)	15.1 (0.4)	15.1 (0.4)
Height (cm)	166.5 (6.1)	166.5 (6.1)	166.5 (6.1)
Weight (kg)	60.1 (10.2)	60.1 (10.2)	60.1 (10.2)
BMI (kg m ⁻²)	21.3 (2.8)	21.3 (2.8)	21.3 (2.8)

Control group = no exercise; low-intensity group = 100 kcal day⁻¹ of exercise; high-intensity group = 200 kcal day⁻¹ of exercise.

Table 2. Mean (SD) energy intake, energy expenditure, and energy balance of the participants in each of the three groups

Variable	Control group	Low-intensity group	High-intensity group
Energy intake (kcal day ⁻¹)	2500 (250)	2500 (250)	2500 (250)
Energy expenditure (kcal day ⁻¹)	2000 (200)	2200 (220)	2400 (240)
Energy balance (kcal day ⁻¹)	500 (500)	300 (300)	100 (100)

Control group = no exercise; low-intensity group = 100 kcal day⁻¹ of exercise; high-intensity group = 200 kcal day⁻¹ of exercise.

Table 3. Mean (SD) energy intake, energy expenditure, and energy balance of the participants in each of the three groups

Variable	Control group	Low-intensity group	High-intensity group
Energy intake (kcal day ⁻¹)	2500 (250)	2500 (250)	2500 (250)
Energy expenditure (kcal day ⁻¹)	2000 (200)	2200 (220)	2400 (240)
Energy balance (kcal day ⁻¹)	500 (500)	300 (300)	100 (100)

Control group = no exercise; low-intensity group = 100 kcal day⁻¹ of exercise; high-intensity group = 200 kcal day⁻¹ of exercise.

Table 4. Mean (SD) energy intake, energy expenditure, and energy balance of the participants in each of the three groups

Variable	Control group	Low-intensity group	High-intensity group
Energy intake (kcal day ⁻¹)	2500 (250)	2500 (250)	2500 (250)
Energy expenditure (kcal day ⁻¹)	2000 (200)	2200 (220)	2400 (240)
Energy balance (kcal day ⁻¹)	500 (500)	300 (300)	100 (100)

Control group = no exercise; low-intensity group = 100 kcal day⁻¹ of exercise; high-intensity group = 200 kcal day⁻¹ of exercise.

Table 5. Mean (SD) energy intake, energy expenditure, and energy balance of the participants in each of the three groups

Variable	Control group	Low-intensity group	High-intensity group
Energy intake (kcal day ⁻¹)	2500 (250)	2500 (250)	2500 (250)
Energy expenditure (kcal day ⁻¹)	2000 (200)	2200 (220)	2400 (240)
Energy balance (kcal day ⁻¹)	500 (500)	300 (300)	100 (100)

Control group = no exercise; low-intensity group = 100 kcal day⁻¹ of exercise; high-intensity group = 200 kcal day⁻¹ of exercise.